

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY NGHIÊN CỨU SINH ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI

TS. Hà Thị Thu Phương\*

**Tóm tắt:** Đổi mới cơ bản và toàn diện việc đào tạo tiến sĩ, tạo sự đột phá và chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo, gắn kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh với thực tiễn là vấn đề được quan tâm ở nhiều nước trên thế giới. Đây cũng là vấn đề khó, đòi hỏi phải có nhiều nỗ lực và thực hiện các giải pháp phù hợp. Kinh nghiệm của một số nước đã chỉ ra là gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo là giải pháp căn cơ nhất giúp cải thiện chất lượng, mang lại thành công trong việc thúc đẩy nghiên cứu sinh đóng góp cho xã hội.

**Từ khóa:** Nghiên cứu sinh; đào tạo tiến sĩ; đóng góp xã hội; gắn kết nghiên cứu và đào tạo.

**Abstract:** Basic and comprehensive innovation of doctoral training, creating breakthroughs and fundamental changes in training quality and scale, and attaching research results of PhD students to practical problems have been paid more attention in many countries around the world. This is also a difficult issue, requiring a lot of efforts and appropriate solutions. Experience of some countries has shown that attachment of scientific research to training is the most fundamental solution to improve quality and bring success in the promotion of PhD students' contribution to the society.

**Keywords:** PhD students; doctoral training; social contributions; researching and training attachment.

Chất lượng luận án tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo không đồng đều, nhiều luận án ít giá trị thực tế, không có tính khoa học, tương tự một báo cáo tổng kết,... nhưng nghiên cứu sinh vẫn được cấp bằng tiến sĩ là vấn đề không còn mới. Trong điều kiện tự chủ, hội nhập, việc gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo được xem là giải pháp căn cơ nhất giúp cải thiện chất lượng, mang lại thành công trong việc thúc đẩy nghiên cứu sinh đóng góp cho xã hội.

Ngày 17/6/2010 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định 911/QĐ-TTg phê duyệt Đề

án đào tạo tiến sĩ cho các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020. Mục tiêu của Đề án là phấn đấu đến năm 2020 đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ, trong số đó, khoảng 10.000 đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, 10.000 đào tạo ở trong nước và 3.000 đào tạo theo phương thức đào tạo phối hợp trong - ngoài nước. Đề án đã khởi động từ tháng 8/2011, bắt đầu tuyển sinh từ năm 2012 và đến năm 2018 thì dừng tuyển sinh. Với thời gian tuyển sinh kéo dài 7 năm (2012-2018), Việt Nam phải tuyển 23.000 nghiên cứu sinh để đào tạo tiến sĩ.

\* Chuyên viên Viện Đào tạo sau Đại học Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

Sau 5 năm (2012-2016) triển khai thực hiện Đề án, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết cả nước đã và đang đào tạo 3.819 nghiên cứu sinh (không tính số bỏ học) theo cả ba phương thức, đạt 16,6% yêu cầu, trong đó có 800 người đã tốt nghiệp trở về nước công tác tại các trường đại học, cao đẳng. Tổng kinh phí đã chi để thực hiện Đề án là 1.534,534 tỷ đồng.

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ về “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006–2020” yêu cầu đến năm 2020 phải có ít nhất 35% số giảng viên có trình độ tiến sĩ. Tỷ lệ này còn rất khiêm tốn so với thế giới. Năm học 2016-2017, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ ở Việt Nam là 16.514 người (chiếm 22,7% tổng số giảng viên đại học, cao đẳng). Do số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ không đạt theo dự kiến, nên Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đã điều chỉnh, dự kiến phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ lệ trình độ tiến sĩ của giảng viên đại học là 25% và của giảng viên cao đẳng là 8% so với tổng số.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã tiến hành khảo sát nhu cầu về đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ giai đoạn 2018-2025 của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và kết quả cho thấy nhu cầu đào tạo trong nước là 21.404 người, ở nước ngoài là 14.468. Như vậy, tổng số giảng viên có trình độ tiến sĩ cần bổ sung trong giai đoạn 2018-2025 gần 36.000 người.

Theo đánh giá của một số chuyên gia hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học trong nước còn yếu kém so với trong khu vực và thế giới; chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức thời đại công nghệ 4.0. Những nguyên nhân trực tiếp nằm ở cả ba yếu tố: tiềm lực, nguồn lực và động lực cho nghiên cứu.

Tiềm lực nghiên cứu trong các trường đại học, cả về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, vừa yếu, vừa thiếu, chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả. Phần lớn các trường không xây dựng những định hướng chung với các chương trình, dự án dài hơi. Các nhóm nghiên cứu thực hiện các đề tài khá độc lập, thiếu tính kế thừa, thiếu sự hợp tác, liên kết trong và ngoài trường.

Nguồn kinh phí cho nghiên cứu còn rất hạn chế. Tổng mức kinh phí thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học-công nghệ cho tất cả các trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt bình quân 400 tỷ đồng/năm và gần như không thay đổi từ năm 2011 đến 2016, còn rất thấp so với mức chi của ngân sách nhà nước dành cho khoa học-công nghệ. Mức thực chi này bình quân trên một giảng viên thấp hơn từ 10 đến 30 lần mức bình quân của các trường đại học trong khu vực ASEAN. Hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng trong nước tập trung chủ yếu cho hoạt động đào tạo, mặt khác, các trường và giảng viên thiếu những cơ chế tạo động lực thật sự để thúc đẩy phát triển nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản. Ngoài ra, còn có những nguyên nhân sâu xa nằm ở một số yếu tố căn bản, như chính sách phân bổ và quản lý kinh phí khoa học-công nghệ của Nhà nước chưa động viên đội ngũ giảng viên và nghiên cứu sinh tại các trường đại học, đồng thời chưa tập trung phát huy được thế mạnh của các trường đại học trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; không tạo cơ chế tự chủ cho các trường về mặt kinh phí để tạo động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu. Các doanh nghiệp ít có nhu cầu hợp tác nghiên cứu với các trường đại học; thiếu cơ chế chính sách để khuyến khích, tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu tại các trường đại học.

Các trường đại học cũng chưa có chiến lược, chính sách phát triển nghiên cứu bắt kịp xu thế phát triển...

Cũng cần phải thấy rằng, để nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ, thúc đẩy nghiên cứu sinh đóng góp cho xã hội, thì các cơ sở đào tạo phải có một chương trình đào tạo tiên tiến được các nhà khoa học có kinh nghiệm, chuyên môn cao thẩm định và đội ngũ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ phải đủ năng lực giảng dạy, cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cũng như đưa ra các lời khuyên cho nghiên cứu sinh. Tất nhiên, cơ sở vật chất, học liệu cũng phải tương xứng, giúp nghiên cứu sinh có đủ điều kiện thuận lợi trong nghiên cứu, tiếp cận những nghiên cứu mới nhất. Mặt khác, để khuyến khích và động viên nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo nên có học bổng dành cho người xuất sắc (như đối với sinh viên). Có thể tuyển chọn nghiên cứu sinh làm người cộng tác cho các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu theo các đề tài đã được định hướng. Điều này không chỉ giúp nghiên cứu sinh có kinh nghiệm khi thực hiện đề tài nghiên cứu của mình mà còn là cơ hội để có thêm thu nhập.

Cần đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới để trao đổi về chương trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kể cả nghiên cứu ngắn hạn, trao đổi giảng viên, tìm kiếm cơ hội học bổng, việc làm cho nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp.

Nhằm tăng cường nghiên cứu khoa học đối với đào tạo sau đại học, nhiều nước đã áp dụng các giải pháp như sau:

- Coi trọng gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học; học viên cao học và nghiên cứu sinh là lực lượng nghiên cứu quan trọng cần phải được phát huy để góp phần vào phát triển khoa học và công nghệ của đất nước;

- Tạo môi trường đào tạo và nghiên cứu vượt trội cho nghiên cứu sinh dựa trên sự hợp tác giữa các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, mở rộng hợp tác quốc tế và trao đổi giảng viên và người học;

- Tăng kinh phí cho đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước thông qua gắn kết đào tạo sau đại học với các đề tài, dự án nghiên cứu và phát triển các học bổng dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh;

- Hình thành loại hình nhiệm vụ khoa học-công nghệ gắn kết với đào tạo sau đại học: bố trí phần kinh phí dành riêng cho hoạt động của học viên cao học, nghiên cứu sinh trong kinh phí của các nhiệm vụ khoa học-công nghệ trọng điểm; thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học-công nghệ kéo dài phù hợp với thời gian đào tạo của học viên cao học, nghiên cứu sinh; kết quả bảo vệ luận văn, luận án được tính vào kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học-công nghệ; thông qua đào tạo và nghiên cứu để hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu khoa học mạnh trong các tổ chức khoa học-công nghệ.

Thu hút học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu là kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới. Hoa Kỳ là một ví dụ. Để thúc đẩy việc kết hợp đào tạo trong nghiên cứu, Quỹ Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ đã đưa ra những cơ chế tài chính thuận lợi cho việc đào tạo, như kinh phí cho đề tài nghiên cứu được phép chi cho thực tập sinh, học viên cao học, nghiên cứu sinh và sinh viên tham gia đề tài. Những người này chính là lực lượng nghiên cứu chủ yếu của đề tài. Mức chi cho một nghiên cứu sinh hoặc học viên cao học, hoặc thực tập sinh thay đổi theo từng bang, nhưng đều đảm bảo cho người học đủ tiền ăn, ở và tiêu vặt, tức là có thể nuôi được họ. Tuy mức chi này chỉ bằng khoảng một nửa mức lương của một

công ty trung bình trả cho người lao động, nhưng người học tham gia đề tài đều yên tâm tập trung nghiên cứu, không cần phải đi làm thêm. Ví dụ, một nghiên cứu sinh Khoa Toán ở Đại học North Carolina (NCSSU) nhận được 1.500-2.000 USD/tháng để tham gia đề tài nghiên cứu trong 3 năm hay một sinh viên Khoa Máy tính ở trường Stanford, bang California, có mức thu nhập 2.000-3.000 USD/tháng. Cơ chế này đã thu hút đông đảo người học tham gia các chương trình, đề tài nghiên cứu;

- Phát triển các học bổng từ Quỹ khoa học-công nghệ quốc gia và các nguồn kinh phí khác dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh thể hiện năng lực nghiên cứu xuất sắc. Xu thế hiện nay ở các nước là số tiền và số suất học bổng dành cho đào tạo sau đại học đang được tăng nhanh. Quỹ Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ cấp hàng loạt học bổng sau đại học, thực tập sinh khoa học để thu hút người học giỏi đi theo sự nghiệp khoa học. Nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ ở một số ngành, như Môi trường, Khoa học xã hội, với điều kiện người hướng dẫn đứng ra bảo lãnh, cũng được Quỹ hỗ trợ. Chương trình Học bổng Nghiên cứu của Quỹ dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện trong kế hoạch 5 năm, bắt đầu từ năm 2006 trở đi. Chương trình này cung cấp 1.000 suất học bổng, mỗi suất khoảng 30.000 USD/năm trong thời gian khoảng 3 năm, nhằm hỗ trợ người học thực hiện luận văn cao học, luận án tiến sĩ trên cơ sở nghiên cứu khoa học.

Ở Canada, từ năm 2003, hàng năm ngân sách nhà nước dành một khoản thành lập Chương trình học bổng sau đại học lên tới 105 triệu USD và đã được triển khai đầy đủ vào năm 2006. Hiện tại, Chương trình này hỗ trợ 2.000 thạc sĩ và 2.000 tiến sĩ mỗi năm và Chính phủ tài trợ khoảng 10.000 suất học bổng/năm (tăng 70%).

Tại Nhật Bản, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) thúc đẩy nhiều chương trình hỗ trợ đối với nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ và sau tiến sĩ, như Chương trình học bổng hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ tuổi;

- Phát triển các học bổng có nguồn kinh phí từ các chương trình khoa học-công nghệ trọng điểm dành cho nghiên cứu sinh theo hướng khoa học-công nghệ ưu tiên. Việc cấp học bổng được thực hiện qua phương thức cạnh tranh;

- Khuyến khích phương thức đào tạo tiến sĩ phối hợp giữa trường đại học với các cơ sở kinh doanh: khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nhiều vào nghiên cứu, tạo dựng các chương trình đào tạo thích hợp với kinh doanh và sản xuất công nghiệp. Các trường đại học cũng phối hợp với các doanh nghiệp đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ nhằm nâng cao sự phù hợp giữa trình độ của các nhà nghiên cứu với nhu cầu sản xuất;

- Khuyến khích các ngành, các địa phương hỗ trợ kinh phí từ quỹ khoa học-công nghệ cho những đề tài luận văn, luận án phù hợp với ngành và địa phương. Sự hỗ trợ kinh phí này vừa có ý nghĩa hướng các nghiên cứu của học viên cao học, nghiên cứu sinh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, vừa góp phần đào tạo nhân lực khoa học-công nghệ cho đất nước;

- Tăng cường đào tạo sau tiến sĩ được nhiều nước chú trọng nhằm tiếp tục hoàn thiện các kết quả nghiên cứu của những tiến sĩ bảo vệ luận án xuất sắc và bồi dưỡng, phát triển các nhà khoa học đầu ngành của đất nước. Nhà nước tạo điều kiện cho các tiến sĩ bảo vệ luận án với kết quả xuất sắc được đào tạo và nghiên cứu trong môi trường đặc biệt: được làm việc trong những cơ sở nghiên cứu và đào tạo hàng đầu; điều kiện sinh hoạt

ưu đãi; dành kinh phí thỏa đáng cho cơ sở đào tạo, người được đào tạo sau tiến sĩ và người hướng dẫn. Nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu và đào tạo sau tiến sĩ bao gồm từ Quỹ Khoa học-Công nghệ Quốc gia, các chương trình khoa học-công nghệ và các nguồn ngân sách nhà nước khác. Việc tuyển chọn đối tượng đào tạo sau tiến sĩ được thực hiện thông qua cạnh tranh.

### **Một số gợi ý xây dựng đề án thúc đẩy nghiên cứu sinh đóng góp cho xã hội**

#### **Mục tiêu:**

- Đổi mới cơ bản và toàn diện việc đào tạo tiến sĩ, tạo sự đột phá và chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ làm ra các kết quả nghiên cứu mới và có ý nghĩa, có khả năng làm việc tốt và thích ứng với môi trường năng động trong nền kinh tế thị trường; có công bố khoa học ở những nơi có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế thông thường.

#### **Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:**

1. Cần có quan niệm rõ ràng về bản chất nghiên cứu, mục tiêu, yêu cầu và quan hệ số lượng và chất lượng của việc đào tạo tiến sĩ. Trong đó, cần hướng đến chất lượng đào tạo tiến sĩ, không hướng đến số lượng tiến sĩ cần cho chỉ tiêu của các đại học.

2. Tạo dựng môi trường, xây dựng văn hóa nghiên cứu khoa học trong cơ sở đào tạo. Trước hết là nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học, để mỗi cán bộ, giảng viên, học viên nhận thức rõ trách nhiệm cũng như gắn trách nhiệm này với phát triển nghề nghiệp của bản thân. Tránh tư duy “hàn lâm”, phải xuất phát từ các nghiên

cứu gắn liền với thực tiễn, phải nắm được phương pháp tư duy khoa học, tư duy hệ thống và tiếp cận khoa học;

3. Phát triển đội ngũ nòng cốt nghiên cứu khoa học. Mỗi lĩnh vực hoặc chuyên ngành (nhóm nghiên cứu) cần có một hoặc một số giáo viên có năng lực, đam mê nghiên cứu khoa học và tình nguyện đồng hành cùng nghiên cứu sinh hoạt động phát triển và nâng cao chất lượng đề tài nghiên cứu. Đồng thời, các cơ sở đào tạo cần tập trung đào tạo, tập huấn, cập nhật thường xuyên các công trình nghiên cứu khoa học, các kỹ năng và xuất bản công trình nghiên cứu cho đội ngũ nghiên cứu sinh.

4. Tích cực xây dựng nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Cần bố trí lại nguồn kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu trọng điểm và chắc chắn mang lại hiệu quả; trong đó, ưu tiên cho các đề tài nghiên cứu sinh; tăng cường kết hợp với các cơ sở đào tạo khác trong ngành để phối hợp nghiên cứu và đào tạo nghiên cứu sinh theo hướng nâng cao chất lượng, thực tiễn. Quan trọng nhất là cần nâng cao hiệu quả, chất lượng trong các chương trình hỗ trợ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu nhằm vừa tranh thủ được nguồn kinh phí, vừa tranh thủ tiếp thu những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến của quốc tế.

5. Xây dựng tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng của các luận án tiến sĩ, quy định cụ thể ở từng ngành, sao cho chất lượng đào tạo tiến sĩ tại Việt Nam không khác xa quá với chất lượng đào tạo của các nước có trình độ khoa học cao. Nghĩa là cần có các tiêu chuẩn về ấn phẩm khoa học hướng đến chuẩn chung của các nước phát triển, không phải chỉ theo các chuẩn ta tự quy định và bằng lòng với nhau ở trong nước./.



## Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2010). Quyết định 911/2010/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 về Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020” (Đề án 911).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 35 /2012/TT-BGDĐT ngày 12/10/2012, quy định Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020” được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Thông tư 08/2017-TT-BGDĐT ngày 4/4/2017 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Giáo dục Đại học 2 (HEP 2) (Sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới), Báo cáo khả thi, Grant Harman. “Vai trò nghiên cứu ở các trường đại học và nền kinh tế tri thức”.
5. Hoàng Xuân Long Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, Bộ KH&CN Hoàng Lan Chi Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ KH&ĐT (2017), một số giải pháp gắn kết nghiên cứu với đào tạo trên thế giới, JSTPM, số 2, 2017.
6. Nguyễn Ngọc, Phan Đình Diệu, Hà Huy Khoái, Ngô Việt Trung và Nguyễn Xuân Xanh chủ biên, Nhà xuất bản Trí thức, (2007) “Kế hoạch đào tạo tiến sĩ: cần có một cuộc cách mạng chất lượng,” in trong *GS. TS Hoàng Tụy Sĩ phu đời nay*, tr. 319-330.
7. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (2005) KH&CN thế giới: Thách thức và vận hội mới.
8. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (2007) KH&CN thế giới - Chính sách nghiên cứu và đổi mới.